

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K14KTR

MÔN : ĐỒ ÁN DÂN DỤNG 6 * SỐ TÍN CHỈ : 02

M? MÔN : ARC - 428

Học kỳ : 7

Thời gian :h/..... -/...../2011

Lần thi : 1

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	112230500	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	K14KTR1	7		4						4	4.5	Bốn phẩy Năm		
2	122230538	PHÙNG TUẤN	AN	K14KTR1	3		1						V	0.0	Không		
3	122230592	LÊ NGỌC	KHÁNH	K14KTR1	6		4						HP	0.0	Không	NỢ HP	
4	132234818	PHAN ANH	ĐÀO	K14KTR1	5		4						4	4.2	Bốn phẩy Hai		
5	132234893	NGUYỄN QUANG	SÁNG	K14KTR1	9		8						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
6	132234899	HOÀNG CHIẾN	THẮNG	K14KTR1	6		4						3	0.0	Không		
7	132234933	TRỊNH HỒNG	TUẤN	K14KTR1	6		3						3	0.0	Không		
8	142231377	KIỀU HUỖNH HẠNH	CHÂU	K14KTR1	9		6						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
9	142231379	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	K14KTR1	9		7						8.5	8.1	Tám phẩy Một		
10	142231384	NGUYỄN XUÂN	ĐỨC	K14KTR1	9		5						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
11	142231389	HOÀNG QUANG	DƯƠNG	K14KTR1	7		4						4	4.5	Bốn phẩy Năm		
12	142231391	LÊ TÚ LINH	GIANG	K14KTR1	9		6						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
13	142231396	NGUYỄN MẬU	HOÀNG	K14KTR1	5		3						4	3.9	Ba phẩy Chín		
14	142231398	NGUYỄN KHÁNH	HÙNG	K14KTR1	7		6						7.5	7.0	Bảy		
15	142231400	NGUYỄN Đ?NH	HUY	K14KTR1	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám		
16	142231405	ĐINH NGỌC	LAM	K14KTR1	9		6						V	0.0	Không		
17	142231406	PHAN THỊ MỸ	LINH	K14KTR1	8		7						8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
18	142231414	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	K14KTR1	9		8						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
19	142231417	NGUYỄN CÔNG	NGÀ	K14KTR1	9		6						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
20	142231421	HỒ THỊ TUYẾT	NHI	K14KTR1	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
21	142231425	THÂN TRỌNG	PHONG	K14KTR1	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
22	142231431	NGÔ QUANG	TÂM	K14KTR1	8		7						4	5.5	Năm phẩy Năm		
23	142231434	NGUYỄN QUANG	THÁI	K14KTR1	6		7						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
24	142231440	NGUYỄN THANH	THIỆN	K14KTR1	8		7						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
25	142231442	NGUYỄN KIM	THỊNH	K14KTR1	6		6						V	0.0	Không		
26	142231448	HOÀNG	TRỊ	K14KTR1	7		7						7	7.0	Bảy		
27	142231451	NGUYỄN ĐỨC ANH	TRUNG	K14KTR1	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám		
28	142234502	NGUYỄN VĂN QUỐC	ÂN	K14KTR1	7		7						7	7.0	Bảy		
29	142234511	HUỖNH CÔNG	KHÁNH	K14KTR1	7		7						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
30	142234512	LÊ HOÀNG	LONG	K14KTR1	7		7						7	7.0	Bảy		
31	142234513	ĐẶNG VŨ BÁ	MINH	K14KTR1	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
32	142234518	PHAN VĂN THÁI	TRUNG	K14KTR1	7		7						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
33	142234540	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	K14KTR1	7		7						7	7.0	Bảy		
34	142234550	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	K14KTR1	7		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm		

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
35	142234582	HOÀNG HẢI	K14KTR1	8		7						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
36	142234585	PHẠM QUANG HUY	K14KTR1	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
37	142234598	NGUYỄN THỊ THU	K14KTR1	9		9						9	9.0	Chín		
38	142234867	MAI THỊ HỒNG QUYÊN	K14KTR1	7		7						7	7.0	Bảy		
39	112260530	DƯƠNG QUANG HUY	K14KTR2	3		1						V	0.0	Không		
40	132234807	PHAN NGUYỄN ANH	K14KTR2	7		8.5						8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
41	132234824	PHẠM XUÂN ĐỨC	K14KTR2	6		6.5						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
42	132234841	V? V ẮN HẠNH	K14KTR2	3		0						V	0.0	Không		
43	132234884	CHU VĂN PHƯỚC	K14KTR2	6		6						6	6.0	Sáu		
44	132234946	KIỀU XUÂN CƯỜNG	K14KTR2	5		6						6	5.9	Năm phẩy Chín		
45	142231376	HUỲNH VŨ CA	K14KTR2	7		7.5						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
46	142231378	TRẦN THỊ QUỲNH CHÂU	K14KTR2	4		5						5	4.9	Bốn phẩy Chín		
47	142231385	TRẦN PHAN MINH ĐỨC	K14KTR2	7		8						8	7.9	Bảy phẩy Chín		
48	142231402	NGUYỄN HOÀNG LONG KHÁNH	K14KTR2	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
49	142231409	BÙI Đ?NH LỢI	K14KTR2	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
50	142231412	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	K14KTR2	8		8.5						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
51	142231415	NGUYỄN TRỌNG THÀNH NAM	K14KTR2	8		8.5						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
52	142231419	TRẦN XUÂN NGHĨA	K14KTR2	7		5						5	5.3	Năm phẩy Ba		
53	142231420	HOÀNG NGỌC TUẤN NHÂN	K14KTR2	7		7.5						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
54	142231432	NGUYỄN NHẬT TÂN	K14KTR2	7		7						7	7.0	Bảy		
55	142231444	TRẦN CÔNG THỦ	K14KTR2	8		9						9	8.9	Tám phẩy Chín		
56	142231446	TRƯƠNG LÊ TOÀN	K14KTR2	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
57	142231452	NGUYỄN HIỀN TRUNG	K14KTR2	6		5						V	0.0	Không		
58	142231455	LÊ NGỌC TUẤN	K14KTR2	7		4						4	4.5	Bốn phẩy Năm		
59	142231457	BÙI SƠN TÙNG	K14KTR2	8		6						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
60	142231460	PHAN PHƯỚC TƯỜNG	K14KTR2	7		6						7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
61	142231471	V? ĐẠI VINH	K14KTR2	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai		
62	142233206	PHAN NGỌC TÚ QUỲNH	K14KTR2	8		6						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
63	142234504	NGUYỄN ĐỨC CÔNG	K14KTR2	7		8						8.5	8.1	Tám phẩy Một		
64	142234505	HUỲNH THỊ DIỄM	K14KTR2	7		6						7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
65	142234506	PHAN THÁI DƯƠNG	K14KTR2	8		6						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
66	142234543	LÊ THỊ BÍCH HUỆ	K14KTR2	8		6						5	5.8	Năm phẩy Tám		
67	142234546	V? ĐỖ HỒNG QUÂN	K14KTR2	8		7						8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
68	142234580	LÊ QUỐC ẮN	K14KTR2	7		6						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
69	142234587	LÊ TRỌNG LONG	K14KTR2	7		6						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		

Thời gian :h/..... -/...../2011

Lần thi : 1

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
70	142234590	DIỆP CÔNG	NO	K14KTR2	8		7						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
71	142234592	PHẠM NGỌC	QUYẾT	K14KTR2	6		5						6	5.7	Năm phẩy Bảy	
72	142234600	TRƯỜNG VĂN	VƯƠNG	K14KTR2	8		7						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
73	142234646	HÀ THỊ TRÀ	MY	K14KTR2	8		5						5	5.5	Năm phẩy Năm	
74	142234650	TRẦN Đ?NH	VŨ	K14KTR2	8		8						8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
75	142234799	PHAN VĂN	THẮNG	K14KTR2	8		7						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
76	122230640	NGUYỄN TÂN	TÀI	K14KTR3	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
77	142231374	PHAN ĐỨC	ANH	K14KTR3	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
78	142231380	ĐẶNG HỮU	CUÔNG	K14KTR3	7		8						8	7.9	Bảy phẩy Chín	
79	142231382	HUỖNH VĂN	DỰ	K14KTR3	6		6						6	6.0	Sáu	
80	142231387	ĐINH ANH	DŨNG	K14KTR3	9		6						V	0.0	Không	
81	142231394	LÊ NGUYỄN VĂN	HAPPY	K14KTR3	5		7						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
82	142231403	TRẦN Đ?NH VŨ	KHÁNH	K14KTR3	7		7						7	7.0	Bảy	
83	142231410	CAO NGỌC	LONG	K14KTR3	6		6						6	6.0	Sáu	
84	142231418	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	K14KTR3	7		7						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
85	142231426	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	K14KTR3	6		7						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
86	142231428	TRƯỜNG PHÚ	QUÍ	K14KTR3	4		6						6	5.7	Năm phẩy Bảy	
87	142231430	TRẦN NGỌC	TÀI	K14KTR3	6		7						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
88	142231433	TRẦN PHI	THÀNH	K14KTR3	8		6						6	6.3	Sáu phẩy Ba	
89	142231443	NGUYỄN VĂN	THƠ	K14KTR3	0		0						HP	0.0	Không	NỢ HP
90	142231445	TRẦN Đ?NH	TIẾN	K14KTR3	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai	
91	142231450	LÊ HOÀNG	TRỌNG	K14KTR3	6		8						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
92	142231456	PHẠM VĂN	TUẤN	K14KTR3	5		6						6	5.9	Năm phẩy Chín	
93	142231458	LÊ CÔNG	TÙNG	K14KTR3	5		6						6	5.9	Năm phẩy Chín	
94	142231461	NGUYỄN THỊ NHẬT	UYÊN	K14KTR3	8		5						5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
95	142231462	LƯƠNG HÙNG	VƯƠNG	K14KTR3	8		5						0	0.0	Không	
96	142231467	ĐỖ HOÀNG	VƯƠNG	K14KTR3	8		8						5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
97	142234503	PHAN THÀNH	TRUNG	K14KTR3	8		5						5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
98	142234507	HUỖNH THỊ CẨM	HÀ	K14KTR3	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
99	142234509	TRẦN THỊ KIM	HƯỜNG	K14KTR3	7		7						8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
100	142234514	TRẦN VĂN	NHỰT	K14KTR3	5		4						V	0.0	Không	
101	142234517	PHAN HOÀNG	THIỆN	K14KTR3	8		5						5	5.5	Năm phẩy Năm	
102	142234539	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	K14KTR3	10		8						7.5	8.0	Tám	
103	142234542	NGUYỄN CÔNG	HOAN	K14KTR3	9		7						8	7.9	Bảy phẩy Chín	
104	142234544	TRẦN DUY	MẠNH	K14KTR3	8		8.5						6	7.1	Bảy phẩy Một	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
105	142234581	ĐẶNG THỊ ĐÀO	K14KTR3	8		5						7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
106	142234594	PHẠM THỊ DI SA	K14KTR3	8		7						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
107	142234596	PHAN THỊ THU THẢO	K14KTR3	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
108	142234643	ĐINH NAM CA	K14KTR3	7		8						6.5	7.0	Bảy		
109	142234953	NGUYỄN NAM PHÁI	K14KTR3	3		3						V	0.0	Không		
110	142234955	NGUYỄN ANH TUẤN	K14KTR3	6		5						6.5	6.0	Sáu		
1	122230544	NGUYỄN NHẬT BÁCH	K13KTR1	6		6						6	6.0	Sáu	43165	
2	132234844	NGUYỄN QUỐC HOÀN	K13KTR1	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu	17644/353	
3	132234868	NGUYỄN HOÀNG LONG	K13KTR1	3		4						V	0.0	Không	22600	
4	111260527	NGUYỄN THANH H?A	K13KTR2	4		6						6.5	6.0	Sáu	19492/390	
5	132234816	ĐỖ TRÍ ĐẠI	K13KTR2	4		3						V	0.0	Không	17992/360	
6	132234886	LÊ CÔNG HUÂN	K13KTR2	4		3						3	0.0	Không	16152/317	
7	132234889	LÊ THANH QUANG	K13KTR2	8		9						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	21107	
8	132234919	VŨ VĂN TIẾN	K13KTR2	5		3						6	5.0	Năm	15682/324	
9	132234943	NGUYỄN DUY VŨ	K13KTR2	5		3						7	5.5	Năm phẩy Năm	15313/307	
10	132234939	DƯƠNG THẾ VĂN	K13KTR3	7		8						5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	15673/314	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	102	85%	
2	Số sinh viên nợ	18	15%	
TỔNG CỘNG :		120	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

L?NH ĐẠO KHOA
(K? và ghi r? họ tên)

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(K? và ghi r? họ tên)

V? QU ỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ